

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS – ST

Ngày: 20/6/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích
2. Ông Nguyễn Thanh V

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 96/2022/TLST – DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2022/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2022/QĐST – DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A/B, khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Bà T ủy quyền cho ông Phạm Thái B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp HL, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang.

2/ Bị đơn:

- Ông Lê Nguyễn Thục V, sinh năm 1972;

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số B/C, khóm BT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

(có mặt ông B, ông V; vắng mặt bà K)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2022, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T ủy quyền cho ông Phạm Thái B trình bày:***

Theo kết quả đấu thầu ngày 01/8/2020 của trường THPT LX thì vợ chồng ông V đã trúng thầu thuê mặt bằng là bãi giữ xe, căn tin của trường.

Căn cứ hợp đồng số: 02 ngày 11/8/2020 giữa Hiệu trưởng trường THPT LX với ông Lê Nguyễn Thục V thì người trúng đấu giá phải nộp trước số tiền cho trường là 198.500.000đ.

Do thiếu tiền nộp đặt trước tài sản cho bên cho thuê mặt bằng là trường THPT LX, nên vợ chồng ông V có liên hệ bà T để vay số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 02 năm (bằng với thời gian ký Hợp đồng thuê bãi giữ xe và căn tin giữa trường THPT LX với ông Lê Nguyễn Thục V).

Sau khi vay phía ông V đã thực hiện trả lãi từ tháng 09/2020 đến tháng 12/2020, bắt đầu từ tháng 01/2021 ông V không thực hiện trả lãi nữa mặc dù bà T đã đến gặp cũng như trực tiếp điện thoại cho ông V nhiều lần, vì vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nên bà T yêu cầu vợ chồng ông V trả luôn vốn và lãi suất lại cho bà T, nhưng vợ chồng ông V cự hèn. Tính đến thời điểm khởi kiện thì vợ chồng ông V còn nợ bà T khoảng 15 tháng tiền lãi (tính từ tháng 07/2021 đến ngày xét xử trong đó có khấu trừ 06 tháng tiền lãi do dịch bệnh nên bà T không tính) và tiền vốn vay là 150.000.000đ.

Nay bà Trần Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc ông Lê Nguyễn Thục V cùng vợ là bà Nguyễn Thị K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay 150.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm đối với số tiền vay trên từ tháng 7/2021 đến ngày Tòa án xét xử, không tính 06 tháng lãi suất của năm 2021 do dịch bệnh Covid.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị K không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa.

**** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:***

Ông Phạm Thái B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Nguyễn Thục V và bà Nguyễn Thị K liên đới trả số tiền vốn là 150.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm đối với số tiền vay trên từ ngày 01/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (20/6/2022).

Ông Lê Nguyễn Thục V có mặt tại phiên tòa thừa nhận vợ chồng ông có vay của bà T số tiền 150.000.000đ, do tình hình dịch bệnh làm ăn khó khăn nên chưa trả nợ vốn và lãi cho bà T được. Ông V đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông sẽ liên đới trả vốn và lãi như bà T yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Trần Thị Thanh T với ông Lê Nguyễn Thục V và bà Nguyễn Thị K là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh T ủy quyền cho ông Phạm Thái B. Xét thấy, về hình thức và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông B được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà K, ông V là chồng của bà K nhận thay và cam kết giao lại văn bản cho K. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà K tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[1.4] Bà Nguyễn Thị K không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà T, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà K đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của những người có mặt tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị Thanh T với ông Lê Nguyễn Thục V và bà Nguyễn Thị K được xác lập vào ngày 10/8/2020 là hợp đồng vay không kỳ hạn, nguyên đơn đã gửi thông báo thu hồi nợ cho các bị đơn vào ngày 21/3/2022, ấn định thời gian để cho bị đơn trả nợ là vào ngày 30 tháng 3 năm 2022. Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 31/3/2022 là đảm bảo quyền lợi cho bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[2.2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính hợp đồng cho vay cá nhân đề ngày 10 tháng 8 năm 2020. Tại phiên tòa ông Phạm Thái B xác nhận, khi bà T cho bà K và ông V vay có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/ tháng, ông V, bà K có đóng lãi cho bà T từ tháng 09/2020 đến tháng 12/2020, do đó hợp đồng này là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà Trần Thị Thanh T với ông Lê Nguyễn Thục V được xác lập vào ngày 10/8/2020 là hoàn toàn tự nguyện, việc vay tiền giữa các bên có làm “hợp đồng cho vay cá nhân”, do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền 150.000.000đ là có căn cứ. Tại phiên tòa ông Lê Nguyễn Thục V thừa nhận do cần tiền nộp đặt trước tài sản cho bên cho thuê mặt bằng là trường THPT LX nên vợ chồng ông có vay bà T số tiền 150.000.000đ như nguyên đơn trình bày.

[7] Đối với yêu cầu của bà T về việc cầu bà K có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền 150.000.000 còn nợ. Xét thấy, tại “hợp đồng cho vay cá nhân” ngày 10/8/2020, trong hợp đồng có ghi tên bà K và ông V nhưng chỉ có ông V ký tên vào biên nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Lê Nguyễn Thục V xác định vợ ông cũng biết việc vay tiền này, vì số tiền 150.000.000đ là dùng bổ sung vốn kinh doanh phát sinh từ giao dịch của gia đình cũng như dùng để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình ông V bà K. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu tính lãi: Ông B trình bày khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng, ông V có đóng lãi được 04 tháng (từ tháng 09/2020 – 12/2020) tổng cộng tiền lãi ông V đã đóng là 2%/ tháng x 150.000.000đ x 4 tháng = 12.000.000đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự quy định về lãi suất cho vay có thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm, tuy nhiên bà T tính lãi suất cho vay là 2%/tháng tương đương với 24%/ năm là không phù hợp, do đó Hội đồng xét xử sẽ khấu trừ phần lãi vượt quy định để trừ vào phần vốn vay như sau:

$$1,66\% / \text{tháng} \times 150.000.000\text{đ} \times 4 \text{ tháng} = 9.960.000\text{đ}$$

$$\text{Số tiền lãi ông V đã đóng dư là: } 12.000.000\text{đ} - 9.960.000\text{đ} = 2.040.000\text{đ}.$$

$$\text{Số tiền vốn ông V còn thiếu bà T sau khi khấu trừ tiền lãi là: } 150.000.000\text{đ} - 2.040.000\text{đ} = 147.960.000\text{đ}.$$

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi 20%/ năm trên số tiền vốn còn thiếu từ ngày 01/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử (20/6/2022). Xét thấy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn từ tháng 10/8/2020 nhưng chỉ đóng lãi 04 tháng (từ tháng 09/2020 – 12/2020) thì ngưng không đóng lãi cũng không trả vốn cho bà T là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, do đó bà T yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi ông V bà K phải trả cho bà T là:

$$1,66\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} \times 147.960.000\text{đồng} = 28.375.890 \text{ đồng}.$$

Tổng cộng vốn và lãi ông V phải trả cho bà T là:

$$147.960.000\text{đ} + 28.375.890 = 176.335.890\text{đ}.$$

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí do yêu cầu được chấp nhận.

Bị đơn là ông Lê Nguyễn Thục V và bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 465, 466, 468; 469 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh T. Buộc bị đơn là ông Lê Nguyễn Thục V và bà Nguyễn Thị K liên đới trả cho bà Trần Thị Thanh T số tiền 176.335.890 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Ông Lê Nguyễn Thục V và bà Nguyễn Thị K liên đới chịu 8.816.795 đồng (tám triệu tám trăm mười sáu nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Thanh T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001130 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Nguyên đơn và ông Lê Nguyễn Thục V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

